

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-PT

Ngày: 10-01-2022

V/v tranh chấp về đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Ông Đặng Văn Những

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp về đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 224/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn S, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số A, ấp xã N, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S: Luật sư Trang Sĩ X, Công ty Luật hợp danh T thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1953; Địa chỉ: số A, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số C, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021 (có mặt).

2.2. Bà Huỳnh Thị Thái B, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: bà Võ Thị Hoàng Y, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021 (có mặt).

2.3. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1960; Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị N: Luật sư Nguyễn Văn H, Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H, Đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1959; Địa chỉ: ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Bà Huỳnh Thị Thái B, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019 (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị Thái B.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Huỳnh Văn S và những lời trình bày tiếp theo của ông Lê Hoàng Minh là người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày:*

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 231/2016/DS-PT, ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Huỳnh Văn S được chia di sản thừa kế căn nhà có 03 gian và quyền sử dụng đất gồm: Khu A: Diện tích 890,1m² (01 phần thửa 822 cũ, thửa 485 mới) trên đất có căn nhà 03 gian. Khu A1: Diện tích 500m² (01 phần thửa 822 cũ, thửa 485 mới). Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú thực hiện ngày 09/4/2013.

Căn cứ vào bản án này, ông S đã tiến hành đăng ký và được UBND huyện Tân Trụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 010998, ngày 27/4/2017 đối với 02 phần đất tại khu A và A1 nêu trên, số thửa đất được cấp là thửa đất số 776, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.390,1m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 3, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Mặc dù ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện tại bà Huỳnh Thị H vẫn là người đang quản lý nhà và thửa đất số 776 này. Ông S đã nhiều lần yêu cầu bà H giao nhà và đất nhưng bà H không thực hiện. Bản án dân sự phúc

thẩm không tuyên buộc bà H giao nhà đất nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ cũng không thể buộc bà H giao nhà đất cho ông S.

Do đó, ông S khởi kiện, yêu cầu bà H giao trả tài sản là nhà, đất này. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì bà Huỳnh Thị Thái B là con của ông S đã dựng 01 căn nhà, dạng nhà tiền chế, lắp ráp, diện tích 34m² trên đất. Ngoài ra, trên thửa đất 776 này thì bà Huỳnh Thị N (Em của ông S và bà H) cho rằng đang quản lý một phần đất thuộc thửa đất số 776 để nuôi cá.

Vì vậy, ông S yêu cầu bà Huỳnh Thị Thái B tháo dỡ nhà và buộc bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Thái B và bà Huỳnh Thị N trả cho ông S thửa đất số 776, diện tích 1.390,1m², loại đất ở tại nông thôn, thuộc tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp 3, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; buộc bà H trả lại cho ông S căn nhà 03 gian trên thửa đất.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Theo bản án dân sự phúc thẩm số 231/2016/DS-PT, ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Huỳnh Văn S được chia di sản thừa kế căn nhà và thửa đất 776 nhưng bà H không đồng ý giao đất và nhà cho ông S vì các lý do: Phần đất tại khu A diện tích 890,1m² cùng căn nhà 03 gian dùng để thờ cúng ông bà, nếu giao cho ông S thì ông S sẽ bán cho người khác. Phần tại khu A1 diện tích 500m² là do cha mẹ đã cho bà Huỳnh Thị N và hiện bà N cũng đang quản lý sử dụng nên bà H không có quyền hay ý kiến về phần đất này.

Hiện nay bà N đang quản lý phần đất tại khu A1 diện tích 500m² trong đó có 240m² là do cha mẹ đã cho bà N nên bà N không đồng ý giao phần đất này cho ông S.

Bà Huỳnh Thị Thái B trình bày: Bà B là con của ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị Th. Trước đây bà B sống cùng nhà với cô ruột là bà Huỳnh Thị H nhưng từ tháng 9 năm 2019 bà B đã cất căn nhà tiền chế trên thửa đất số 776 của ông S để bà B và con của bà B sinh sống. Từ trước đến nay ông S không lo cho bà B, vì vậy nay bà B yêu cầu ông S phải cho 01 phần đất thuộc thửa 776 với diện tích là 34m² mà bà B đã xây nhà ở. Đồng thời ông S phải để lại nhà thờ làm nơi thờ cúng ông, bà.

Bà Huỳnh Thị Thái B là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th trình bày tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa ngày 05/5/2021 như sau:

Bà Th và ông S có đăng ký kết hôn vào năm 1983, đến năm 2012 thì ly hôn. Trong quá trình hôn nhân, giữa ông S và bà Th có tài sản của cha mẹ chồng cho trong đó có thửa đất số 776 (Cho theo di chúc vào năm 2000). Nay bà Th yêu cầu ông S để lại căn nhà 03 gian làm nhà thờ và yêu cầu chia cho con là bà B 34m² đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn S về việc “Tranh chấp đòi tài sản” với bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Thái B.

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Thái B tháo dỡ căn nhà diện tích $34m^2$ (ký hiệu nhà 2) trên thửa đất số 776.

1.2. Buộc bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Thái B trả lại thửa đất số 776, tờ bản đồ số 9, diện tích $1.390,1m^2$, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 3, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cho ông Huỳnh Văn S.

1.3. Buộc bà Huỳnh Thị H trả căn nhà diện tích $96,4m^2$ (Ký hiệu nhà 1) trên thửa đất cho ông Huỳnh Văn S.

1.4. Vị trí, tứ cận thửa đất theo mảnh trích đo số 242-2019 ngày 09/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tỉnh Long An.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị H đối với ông Huỳnh Văn S về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích $890,1m^2$ cùng căn nhà diện tích $96,4m^2$ (Ký hiệu nhà 1) trên đất thuộc một phần thửa đất số 776 cho bà H.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Thái B về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn S tặng cho $34m^2$ đất thuộc một phần thửa đất số 776.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Th về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn S chia $34m^2$ đất thuộc một phần thửa đất số 776 cho chị Huỳnh Thị Thái B.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Thái B và bà Huỳnh Thị N phải liên đới chịu chi phí tố tụng là 2.013.000đồng. Do chi phí này ông Huỳnh Văn S đã nộp tạm ứng nên buộc bà H, bà B và bà N phải hoàn trả lại cho ông S 2.013.000đồng (Hai triệu không trăm mười ba nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Bà Huỳnh Thị Thái B phải chịu chi phí tố tụng là 1.713.000đồng (Một triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng), bà B đã nộp xong.

5.3. Bà Huỳnh Thị N phải chịu chi phí tố tụng là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng), bà N đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Thái B phải liên đới chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6.2. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 6986, ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

6.3. Bà Huỳnh Thị Thái B phải chịu 850.000đồng, nhưng được khấu trừ 975.000đồng theo biên lai số 6988, ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà B số tiền chênh lệch còn thừa là 125.000đồng.

Ngày 01/6/2021 bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị Thái B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Ngày 04/6/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ ban hành Quyết định kháng nghị số 163/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, giữ nguyên phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà H và bà N trình bày: Bản án dân sự phúc thẩm số 231/2016/DS-PT ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là bản án số 231) có hiệu lực thi hành, việc buộc ai giao tài sản cho ông S chỉ phần đuôi của vấn đề, bản án này khó thi hành án. Do có nhiều vấn đề chưa được làm rõ vì phần diện tích đất ao bà N đang sử dụng chỉ có 300m² nhưng bản án này lại buộc bà N giao 500m² là không đúng, không khách quan. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ buộc bà N thu hoạch cá để giao trả đất là không khách quan, tuyên không rõ ràng. Bà B có nhà trên thửa đất 776, nhưng án sơ thẩm chưa xem xét đến quyền lợi của bà B. Căn nhà của bà B xây trên thửa đất 776 có công sức đóng góp của ông Sơn là chồng bà B, nhưng án sơ thẩm không đưa ông Sơn tham gia tố tụng.

Căn nhà của bà H đang quản lý sử dụng nếu cắt chia làm 2 phần theo bản án số 231 để giao cho ông S phần nhà 3 gian, phần của bà H còn lại là chữ “L” gắn liền với căn nhà 3 gian không thể tồn tại được. Do bản án số 231 có nhiều sai sót nên cần kiến nghị hủy bản án này. Diện tích đất ông S được chia lớn hơn diện tích trong bản di chúc nên không thể thi hành án được với lý do là đất của bà H đã được cấp giấy đỏ năm 1997. Bản vẽ trong bản án số 231 không đúng, có sự sai lệch nên không thể thi hành án được. Tòa án các cấp sử dụng bản vẽ của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú để làm căn cứ giải quyết vụ án, nhưng công ty Hưng Phú là công ty tư nhân, không phải là cơ quan nhà nước, cần xem xét lại bản vẽ và bản vẽ không có giá trị pháp lý, cần hủy bản án số 231.

Đất do bà H bà N đứng tên, nên bà Chơi không còn đất để lập di chúc. Trong di chúc giao nhà đất cho ông S để làm nơi thờ cúng nhưng ông S lại bán cho ông Lê Hoàng M bằng hình thức ủy quyền là không đúng nội dung của di chúc. Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ không đưa ông Sơn tham gia tố tụng, không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu bà

N, bà B trả đất và việc xét xử vắng mặt bà Th (vắng mặt lần thứ 1) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017 theo bản án số 231, bà Th và ông S là vợ chồng kết hôn năm 1983, ly hôn năm 2012. Di chúc ông S được cho đất năm 2000, từ năm 2000 đến năm 2012 bà Th có công sức đóng góp và có quyền lợi đối với phần tài sản của ông S được chia. Bà B xây nhà trên đất do nghĩ đất là của bà H, hiện nay bà B không còn chỗ ở nào khác nên đề nghị ông S suy xét lại tình cha con và tình người cho bà B phần đất bà B đang ở.

Bà N không tranh luận.

Bà Yên đại diện cho bà B trình bày: Ông S bỏ bà B từ lúc 14 tháng tuổi, bà B là người không được khỏe mạnh, con bà B bị khuyết tật mà ông S đòi bà B phải nuôi lại ông là như thế nào. Hiện nay bà B không còn chỗ ở nào khác, chỉ có căn nhà tiền chế trên đất đang tranh chấp, vậy mà ông S cũng yêu cầu bà B phải dỡ nhà trả đất vậy thử hỏi tình nghĩa cha con ở chỗ nào. Ông S nói bà B làm trái luân thường đạo lý là như thế nào, trong khi căn nhà của bà B là do tiền quyền góp từ nhiều người, nếu như phải tháo dỡ theo bản án sơ thẩm thì hiện nay bà B không còn chỗ ở nào khác và tất cả các chi phí xây cất nhà bà B không thể chi trả được. Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông S đồng ý để lại căn nhà 3 gian gắn liền với đất và liền vách nhà của bà H cho bà B ở nhưng con bà B bị bệnh hay nghịch phá nên bà B không thể ở nhà bà H được, hơn nữa bà B không thể gánh vác nổi việc thờ cúng ông bà nên bà B không nhận căn nhà 3 gian này.

Ông S trình bày: Tại Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ vì đạo lý con người, ông và bà B đã thỏa thuận cho bà B căn nhà 3 gian trên đất, bà B cũng đồng ý nhận nhưng sau đó đổi ý không chịu nhận, đòi lấy lại toàn bộ nhà đất ông được chia tại thừa 776. Do bà B đã làm những việc trái với luân thường đạo lý, nghe lời của bên bà H, bà N muốn lấy luôn 3 công đất ruộng của ông, nên hiện nay ông không đồng ý cho nhà đất cho bà B nữa và yêu cầu bà B tháo dỡ nhà, trả đất cho ông.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S trình bày: Ông S được chia tài sản theo bản án số 231 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về mặt pháp lý thừa đất 776 và căn nhà trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông S. Sau khi bản án có hiệu lực và ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S yêu cầu thi hành án nhưng không thực hiện được do bản án số 231 không xác định đối tượng phải thi hành án. Do đó ông S khởi kiện yêu cầu xác định đối tượng phải thi hành án chứ không phải yêu cầu chia thừa kế. Quá trình tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án thì bà B tự ý xây dựng căn nhà tiền chế trên đất tranh chấp để cố tình chiếm dụng đất của ông S, mục đích cất nhà của bà B có phải do nhu cầu về nhà ở hay cố tình gây khó khăn cho ông S cũng cần xem xét lại, bởi vì trong quá trình hòa giải tại cấp sơ thẩm ông S đã đồng ý cất đất và tặng cho bà B căn nhà 3 gian, bà B cũng đồng ý nhận, nhưng sau đó lại đổi ý, như vậy có phải cố tình gây khó dễ cho ông S? Bà B đòi mua lại quyền sử dụng đất 34m² của

ông S, nhưng ông S không đồng ý và pháp luật cũng không quy định. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ.

Về việc xét xử vắng mặt bà Th: phiên tòa ngày 9/4/2021 bị hoãn lần thứ 1, phiên tòa ngày 5/5/2021 bà Th do bà B đại diện có mặt, ngày 5/5/2021 ngưng phiên tòa để xem xét thẩm định tại chỗ, phiên tòa ngày 20/5/2021 bà Th vắng mặt, tuy nhiên việc xét xử vắng mặt bà Th tại phiên tòa ngày 20/5/2021 là không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà Th. Bởi vì: Tài sản là nhà đất tại thửa 776 ông S được chia thừa kế theo bản án số 231 ngày 16/9/2016 là tài sản riêng của ông S, không ảnh hưởng gì đến bà Th, bà Th và ông S đã ly hôn năm 2012. Tại giấy xác nhận ngày 26/11/2013 bà Th xác nhận bà và ông S ly thân năm 1984 và không có tài sản chung. Như vậy, ý chí của bà Th là không tranh chấp tài sản với ông S, đây chỉ là ý chí của bà B là người đại diện theo ủy quyền của bà Th. Hơn nữa tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An cũng đã rút lại Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đối với phần này.

Từ những luận cứ trên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, bà N, bà B, chấp nhận phần kháng nghị của Viện kiểm sát về phần án phí sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của bà H, bà N, bà B và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút lại một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông S; Về việc xét xử vắng mặt của bà Huỳnh Thị Thái B là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th là vi phạm Điều 227 BLTTDS năm 2015; Tòa án chưa đặt ra cũng như chưa tiến hành lấy lời khai của bà Huỳnh Thị Thái B trường hợp ông S yêu cầu bà tháo dỡ căn nhà trên đất thì bà B có yêu cầu ông S bồi thường hay không; Trong trường hợp chấp nhận yêu cầu của ông S bà B xin được thanh toán giá trị quyền sử dụng đất diện tích 34m² đất có hiện hữu căn nhà tạm của bà trên 01 phần thửa 776 nhưng chưa được Tòa án xem xét là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Huỳnh Thị Thái B; Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ về việc bà Th có ở trên thửa đất 776 hay không, có công sức đóng góp gì trong việc tạo dựng, giữ gìn và quản lý thửa 776 để từ đó chia cho bà Th 01 phần công sức đóng góp.

- Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về phần án phí dân sự sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B về việc yêu cầu ông S tặng cho 34m² đất nhưng lại buộc bà B chịu án phí 850.000đồng là không phù hợp. Trong trường hợp này bà B chỉ chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Th không phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng không được chấp nhận là chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, trong trường hợp này bà Th phải chịu án phí không có giá ngạch cho yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, do bà Th có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên bà Th được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bà Huỳnh Thị N có đơn đề nghị xin miễn án phí do là người cao tuổi nên cần xem xét miễn án phí dân sự cho bà N.

- Ngoài ra, về quan hệ tranh chấp, bà Th yêu cầu chia tài sản chung với ông S và được Tòa án thụ lý nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định quan hệ tranh chấp về chia tài sản chung là thiếu sót.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th yêu cầu ông S để lại căn nhà 3 gian trên thửa 776 làm nhà thờ và yêu cầu ông S chia cho bà B phần đất 34m² thuộc một phần thửa 776. Xét thấy, thửa đất 776 và căn nhà 3 gian là di sản thừa kế đã được phân chia cho ông S theo bản án dân sự phúc thẩm số 231 năm 2016. Ông S và bà Th không sống chung từ năm 1984 và đến năm 2012 thì ly hôn. Do đó phần tài sản này là tài sản riêng của ông S được công nhận theo bản án số 231 nên bà Th không có quyền khởi kiện. Đáng lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà Th nhưng lại tuyên không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Th là không đúng.

- Đối với kháng cáo của bị đơn bà H, bà N:

Căn cứ vào bản án phúc thẩm số 231/2016/DSPT ngày 16/9/2016 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ tranh chấp thừa kế giữa ông Huỳnh Văn S với bà Huỳnh Thị H. Bản án tuyên xử: “Chia cho ông Huỳnh Văn S 01 căn nhà trên có 03 gian và quyền sử dụng đất” gồm: Khu A (diện tích 890,1m²) có căn nhà 03 gian; Khu A1 (diện tích 500m²) là quyền sử dụng đất. Hiện nay phần đất tại khu A và khu A1 do bà H, bà N, bà B cùng quản lý nên ông S khởi kiện yêu cầu bà H, bà N, bà B giao trả nhà và đất, dỡ nhà trả đất là có căn cứ. Như đã phân tích trên thì bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án là không có căn cứ.

- Đối với kháng cáo của bà B yêu cầu ông S tặng cho 34m² đất thuộc một phần thửa đất số 776. Xét thấy, đây là tài sản riêng của ông S, ông S không đồng ý tặng cho bà B nên yêu cầu của bà B không được chấp nhận là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu của người đại diện cho bà B yêu cầu trong trường hợp buộc bà B tháo dỡ nhà để trả đất cho ông S thì bà B yêu cầu ông S bồi thường giá trị nhà theo

giá tại biên bản thỏa thuận giá ngày 10/3/2021 là 38.000.000đồng. Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ngày 19/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ thì đến tháng 7/2019 bà B xây dựng nhà tiền chế trên đất, nhà có kết cấu mái tole thiết, vách tole thiết, nền xi măng, cột sắt (không đà, móng). Như vậy, bà B đã xây nhà trái pháp luật, và cũng là nhà tạm có thể tháo dỡ được và ông S không đồng ý hỗ trợ bà B di dời nhà. Do đó bản án sơ thẩm không buộc ông S hỗ trợ bà B di dời nhà là phù hợp.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị Thái B. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị: Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Th. Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, bổ sung quan hệ tranh chấp chia tài sản chung, bổ sung phần quyết định tuyên không chấp nhận yêu cầu bà B về việc được trả giá trị 34m² đất do đã có thu tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà H, bà N, bà B và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đúng quy định của pháp luật nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, bà N, bà B không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xét xử vắng mặt bà Th không đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ. Xét thấy:

Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 19/3/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/5/2021 ông S yêu cầu và Hồng, bà N và bà B phải trả lại cho ông S tài sản là nhà đất thuộc thửa 776, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.390,1m² loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 3, xã Q, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An- đây là tài sản ông S được chia thừa kế theo bản án Dân sự phúc thẩm số 231/2016/DS-PT, ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông S là nguyên đơn, xác định bà H, bà N, bà B là bị đơn trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về việc tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải lại khi thay đổi tư cách tham gia tố tụng của bà N và bà B. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà N và bà B đã được tham gia từ khi thụ lý vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án bà N và bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S. Mặc dù ngày 05/5/2021 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông S và thay đổi địa vị tố tụng của bà N và bà B lên thành bị đơn, nhưng nội dung trong đơn khởi kiện bổ sung của ông S không khác gì so với yêu cầu khởi kiện ban

đầu, chỉ là thay đổi địa vị tố tụng của bà N và bà B từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành bị đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy không cần thiết phải hòa giải lại là không vi phạm thủ tục tố tụng.

Về việc Tòa án cấp sơ thẩm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp theo yêu cầu của bà N. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2021 đã được các đương sự trong vụ án chứng kiến, ký tên xác nhận nội dung, đồng thời cũng đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm công khai tại phiên tòa sơ thẩm, qua đó cho thấy không phát sinh thêm tình tiết mới so với các chứng cứ được công khai trước đó và các đương sự cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về việc xét xử vắng mặt bà Th: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th do bà B là người đại diện theo ủy quyền cho rằng thửa đất 776 là tài sản chung của bà Th và ông S được cho theo di chúc năm 2000. Tuy nhiên, căn cứ vào bản di chúc năm 2000 (bút lục số 115-117) không có nội dung nào thể hiện bà Th được cho tài sản là nhà đất thuộc thửa 776. Căn cứ vào bản án dân sự phúc thẩm số 231/2016/DS-PT, ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 64-68), thể hiện nhà đất tại thửa 776 được chia thừa kế cho cá nhân ông S, bà Th và ông S ly hôn vào năm 2012 (bút lục 73). Mặt khác tại đơn xin xác nhận ngày 26/11/2013 của bà Nguyễn Thị Th (bút lục 41) thể hiện nội dung: Bà Th và ông S kết hôn năm 1983, đến năm 1984 có con chung là bà Huỳnh Thị Thái B, trong cùng năm 1984 bà Th và ông S không chung sống với nhau. Bà Th xác định bà và ông S không có tài sản chung và cũng không thừa kế ông S nhưng do bà N kêu bà Th ông S đòi chia ruộng chứ bà không có tranh chấp phần ruộng của ông S. Từ có căn cứ cho thấy bà Th không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà Th (do bà B đại diện) không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bà N và bà H, người đại diện theo ủy quyền của bà B đề nghị hủy án với lý do không đưa chồng bà B tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét thấy, tại các bản tường trình của bà B nộp cho Tòa án trước khi có quyết định xét xử, bà B đều xác định từ nhỏ sống với bà H, sau đó bà B kết hôn với ông Phạm Hoàng Sơn nhưng hôn nhân không hạnh phúc nên từ năm 2017 vợ chồng không còn sống chung, bà B về sống cùng bà H buôn bán, buôn bán kiếm tiền nuôi con và được nhiều người giúp đỡ. Tại phiên tòa ngày 05/5/2021, bà B cũng xác định ông Sơn không có chu cấp tiền cho bà B. Hơn nữa khi Tòa án thụ lý vụ án, bà B vẫn sống cùng bà H. Khi Tòa án tiến hành đo đạc lần 01 (Theo mảnh trích đo địa chính ngày 06/6/2019) thì không có nhà của bà B trên thửa đất, đến tháng 8 năm 2019 bà B mới xây nhà trên thửa đất số 776. Bà B xây nhà khi Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án và xây dựng trên thửa đất của ông S đang tranh chấp là vi phạm pháp luật. Đồng thời bà B xây nhà khi vợ chồng bà B không còn chung sống với nhau, nhà này cũng là nhà tạm, không gắn liền với đất nên

không phải là bất động sản, có thể tháo dỡ di dời. Do đó Hội đồng xét xử không xác định ông Sơn là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong vụ án này bà Th do bà B đại diện yêu cầu ông S giữ lại căn nhà để làm nhà thờ và chia cho bà B 34m² đất thuộc phần thửa 776. Xét thấy, như đã nhận định trên việc tranh chấp nhà đất tại thửa 776 bà Th không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th nên bà Th không có quyền yêu cầu ông S để lại nhà để làm nhà thờ. Bà B là người đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên bà Th không có quyền khởi kiện để yêu cầu ông S chia cho bà B 34m² đất thuộc một phần thửa 776 theo Điều 187 Bộ luật tố tụng dân sự. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý đối với yêu cầu này của bà Th, nhưng thụ lý và bác yêu cầu khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật nên hủy và đình chỉ giải quyết giải quyết 1 phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Th.

Xét kháng cáo của bà B yêu cầu ông S tặng cho 34m² đất thuộc một phần thửa 776, trong trường hợp ông S không đồng ý tặng cho thì bà B yêu cầu được thanh toán cho ông S giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 34m² có căn nhà tiền chế của bà B và yêu cầu ông S bồi thường giá trị nhà theo giá tại biên bản thỏa thuận giá ngày 10/3/2021 là 38.000.000 đồng. Xét thấy, đây là tài sản riêng của ông S, ông S không đồng ý tặng cho bà B nên yêu cầu tặng cho đất của bà B không có căn cứ chấp nhận. Việc bà B tự ý xây dựng căn nhà tiền chế trên đất đang tranh chấp sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, không được sự đồng ý của ông S. Như vậy, bà B đã xây nhà trái pháp luật, căn nhà bà B xây cũng là nhà tạm, nhà tiền chế, có thể tháo dỡ, di dời được và ông S không đồng ý hỗ trợ bà B di dời nhà nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B về việc thanh toán cho ông S giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với căn nhà của bà B và không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B đòi ông S hỗ trợ tiền di dời nhà.

Đối với kháng cáo của bị đơn bà H, bà N: Căn cứ vào bản án phúc thẩm số 231/2016/DSPT ngày 16/9/2016 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ tranh chấp thừa kế giữa ông Huỳnh Văn S với bà Huỳnh Thị H. Bản án tuyên xử: “Chia cho ông Huỳnh Văn S 01 căn nhà trên có 03 gian và quyền sử dụng đất” gồm: Khu A (diện tích 890,1m²) có căn nhà 03 gian; Khu A1 (diện tích 500m²) là quyền sử dụng đất. Hiện nay phần đất tại khu A và khu A1 do bà H, bà N, bà B cùng quản lý nên ông S khởi kiện yêu cầu bà H, bà N, bà B giao trả nhà và đất, dỡ nhà trả đất là có căn cứ. Như đã phân tích trên thì bà H, bà N đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án là không có căn cứ, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bà H và bà N.

Về quan hệ tranh chấp: Bà Th có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của bà Th ra để giải quyết bằng vụ án khác theo Quyết định tách vụ án số 01/2021/QĐ.TVA-TA ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ (bút lục 32-34). Do đó, không cần bổ sung quan hệ

pháp luật tranh chấp chia tài sản sau ly hôn theo đề nghị của bà Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án sơ thẩm buộc bà B phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu ông S tặng cho 34m² đất là không phù hợp với điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Trong trường này bà B chỉ phải phải chịu án phí không có giá ngạch. Do đó, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ sửa phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bà B.

Từ những nhận định trên Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ về phần án phí dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà H, bà N, bà B.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H, bà N, bà B không được chấp nhận nên bà H, bà N, bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326. Tuy nhiên, bà H, bà N được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4, Điều 308, Điều 309. Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Thái B;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bà B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Áp dụng khoản 2 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 134, 135, 136 của Bộ luật dân sự và Điều 73 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn S về việc “Tranh chấp đòi tài sản” với bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Thái B.

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Thái B tháo dỡ căn nhà diện tích 34m² (Ký hiệu nhà 2) trên thửa đất số 776.

1.2. Buộc bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Thái B trả lại thửa đất số 776, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.390,1m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Long An cho ông Huỳnh Văn S.

1.3. Buộc bà Huỳnh Thị H trả căn nhà diện tích 96,4m² (Ký hiệu nhà 1) trên thửa đất cho ông Huỳnh Văn S.

1.4. Vị trí, tứ cận thửa đất theo mảnh trích đo số 242-2019 ngày 09/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tỉnh Long An.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị H đối với ông Huỳnh Văn S về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 890,1m² cùng căn nhà diện tích 96,4m² (Ký hiệu nhà 1) trên đất thuộc một phần thửa đất số 776 cho bà H.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Thái B về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn S tặng cho 34m² đất thuộc một phần thửa đất số 776.

4. Hủy và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Th về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn S chia 34m² đất thuộc một phần thửa đất số 776 cho chị Huỳnh Thị Thái B.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Thái B và bà Huỳnh Thị N phải liên đới chịu chi phí tố tụng là 2.013.000đồng. Do chi phí này ông Huỳnh Văn S đã nộp tạm ứng nên buộc bà H, bà B và bà N phải hoàn trả lại cho ông S 2.013.000đồng (Hai triệu không trăm mười ba nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Bà Huỳnh Thị Thái B phải chịu chi phí tố tụng là 1.713.000đồng (Một triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng), bà B đã nộp xong.

5.3. Bà Huỳnh Thị N phải chịu chi phí tố tụng là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng), bà N đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Thái B phải liên đới chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên bà H, bà N thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326. Bà B phải chịu 100.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006986, ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

6.3. Bà Huỳnh Thị Thái B phải chịu 300.000đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 975.000đồng (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006988, ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà B số tiền chênh lệch còn thừa là 675.000đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007103 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

8. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Phúc

